

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - Z
TỈNH Z**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Z, ngày 21 tháng 8 năm 2025

Số: 38/2025/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng A**; Địa chỉ trụ sở: Số 89 B, phường C, thành phố D; địa chỉ liên hệ: Tầng 01, số 96 E, phường F, thành phố G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Huy Y – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý Khách hàng cá nhân 3 (Theo Văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – VPBANK).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị K – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ – Ngân hàng A; địa chỉ: 278 L, phường J, tỉnh Z.

- *Bị đơn:*

1. Anh **Khổng Trương V** – Sinh ngày: 20/3/1991; nơi cư trú: Thôn X, xã M, tỉnh Z.

CCCD số: 052091011349; ngày cấp: 06/8/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Chị **Nguyễn Thị Minh N** – Sinh ngày: 24/8/1992; nơi cư trú: Số 06 Q, phường J, tỉnh Z.

CCCD số: 052192012703; ngày cấp: 18/3/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Thị K, anh Khổng Trương V và chị Nguyễn Thị Minh N thống nhất cho đến hiện nay ngày 13/8/2025, anh Khổng Trương V và chị Nguyễn Thị Minh N còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 65.443.320^d (sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi đồng) và lãi đến ngày 13/8/2025 là 59.999.553^d (năm mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng), cả tiền gốc và lãi là 125.442.873^d (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng) và đảm bảo khoản nợ trên là Giấy chứng nhận xe ô tô biển số 77D-000.38 đứng tên Khổng Trương V (Xe anh Khổng Trương V đang quản lý).

2.2. Chị Nguyễn Thị K, anh Khổng Trương V và chị Nguyễn Thị Minh N thống nhất đến ngày 12 tháng 10 năm 2025, anh Khổng Trương V trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi đến ngày 13/8/2025 là 125.442.873^d (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng các bên ký kết tính từ ngày 14/8/2025 đến khi trả hết nợ.

2.3. Chị Nguyễn Thị K, anh Khổng Trương V và chị Nguyễn Thị Minh N thống nhất trường hợp anh Khổng Trương V không thực hiện trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A được quyền bán xe ô tô biển số 77D-000.38 đứng tên Khổng Trương V để thu hồi nợ.

2.4. Án phí DS-ST: Anh Khổng Trương V tự nguyện chịu 3.136.000^d (ba triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 2.420.000^d (hai triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005303 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh P (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Z).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Z;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh Z;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Z;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đức